

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Ngọc và ông Lê Mạnh Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 8, phường Tr, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1988; địa chỉ: T, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Văn Ngh đăng ký kết hôn ngày 24/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc, anh Ngh là cán bộ T, tại xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, từ tháng 6/2020 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngh.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị và anh Ngh có 02 con chung là Nguyễn Diễm M, sinh ngày 06/3/2013 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/12/2019, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị nuôi cháu H, anh Ngh nuôi cháu M, chị và anh Ngh không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản:

- Chị xác định vợ chồng có tài sản chung, gồm: Diện tích 54,1m² đất, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 36 ở Tổ 15, phường Tr, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tổ 8, phường Tr, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc) đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Ngh và bà Nguyễn Thị H và 01 nhà, hiện chị đang quản lý, sử dụng.

- Ngoài ra, vợ chồng chị còn có tài sản chung, gồm: 01 tivi 41 inch, 01 bộ bàn ghế uống nước gỗ lát tay 12, 01 bộ bàn ăn gỗ xoan, 01 bộ tranh tứ quý gỗ kháo vàng, 02 bức tranh gỗ, 01 bộ tủ bếp bằng nhôm, 01 kệ tivi gỗ xoan, 01 điều hòa Daikin 9000ptu, 03 bức tượng gỗ, hiện chị đang quản lý sử dụng.

- Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ly hôn, chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất và nhà theo quy định của pháp luật. Đối với các tài sản còn lại chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ngh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận như chị H trình bày. Anh xác định tình cảm không còn, chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh thừa nhận và thống nhất với quan điểm của chị H. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu M, chị H nuôi cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản:

- Tài sản chung: Anh đề nghị Tòa án phân chia cho anh và chị H mỗi người ½ giá trị tài sản, giao cho chị H diện tích đất 54,1m² và 01 nhà, chị H phải thanh toán chênh lệch cho anh.

- Đối với các tài sản chung, gồm: 01 tivi 41 inhs, 01 bộ bàn ghế uống nước gỗ lát tay 12, 01 bộ bàn ăn gỗ xoan, 01 bộ tranh tứ quý gỗ kháo vàng, 02 bức tranh gỗ, 01 bộ tủ bếp bằng nhôm, 01 kệ tivi gỗ xoan, 01 điều hòa Daikin 9000ptu, 03 bức tượng gỗ, hiện chị H quản lý sử dụng. Anh xác định cho chị H sử dụng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Ngh; Giao cho chị H nuôi cháu H, anh Ngh nuôi cháu M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Chia tài sản chung của anh Nguyễn Văn Ngh và chị Nguyễn Thị H, gồm: Diện tích đất 54,1m² (giá trị 865.600.000đ), thửa đất số 146, tờ bản đồ số 36 ở Tổ 15, phường Tr, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ 8, phường Tr, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc) và 01 nhà (giá trị 568.000.000đ), tổng giá trị là 1.433.600.000đ. Xác định chị H có

công sức đóng góp nhiều hơn vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản chung nên cần chia cho chị H giá trị lớn hơn anh Ngh, giao cho chị H diện tích đất 54,1m² và 01 nhà, chị H thanh toán chênh lệch cho anh Ngh; Chị H và anh Ngh phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Ngh; anh Ngh có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Ngh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô xát, từ tháng 6/2020 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh Ngh đều xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Chứng tỏ, hôn nhân của chị H và anh Ngh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H ly hôn anh Ngh là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị H và anh Ngh xác định vợ chồng có 02 con chung. Ly hôn, anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho anh Ngh nuôi cháu M, chị H nuôi cháu H; chị H, anh Ngh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Chị H và anh Ngh đều có nguyện vọng và đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H và anh Ngh là phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản:

Chị H và anh Ngh thống nhất xác định và đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng, gồm: Diện tích 54,1m² đất, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 36 ở tổ 15, phường Tr, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ 8, phường Tr, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc) đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Ngh và bà Nguyễn Thị H và 01 nhà.

Quá trình xem xét, thẩm định giá tài sản, kết quả: Đo đạc thực trạng thửa đất có diện tích 60,4m² tăng 6,3m² so với diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng 54,1m², diện tích đất này do nhà nước quản lý, giá đất là 16.000.000đ/m²; 01 nhà cấp bốn khung cứng xây năm 2017 diện tích sử dụng là 162,3m² trị giá là 568.000.000đ. Như vậy, tổng trị giá tài sản chung của chị H và anh Ngh: Diện tích đất 54,1m² x 16.000.000đ/m² và 01 nhà 568.000.000đ là 1.433.600.000đ.

Xét thấy: Anh Ngh là cán bộ đóng trên địa bàn xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, do tính chất công việc anh Ngh ít có thời gian chăm lo gia đình và con chung, chị H là người trực tiếp chăm lo gia đình và dạy dỗ con chung. Anh chỉ điều xác định cuối năm 2017 có vay Ngân hàng số tiền 300.000.000đ để mua thửa đất và xây nhà, hiện đã trả nợ xong, chị H là người trực tiếp trả nợ và chi trả mọi sinh hoạt trong gia đình. Như vậy, cần xác định chị H có công sức đóng góp nhiều hơn vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản chung. Để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mỗi bên, quyền lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên thấy cần chia cho chị H phần giá trị lớn hơn, giao cho chị H tài sản, chị H thanh toán chênh lệch cho anh Ngh.

Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về chi phí thẩm định giá, án phí:

- Về chi phí thẩm định giá: Anh Nguyễn Văn Ngh tự nguyện chịu toàn bộ và không có ý kiến đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản có giá ngạch, anh Ngh chịu án phí án phí chia tài sản có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Ngh.

2. Giao cho anh Nguyễn Văn Ngh trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Diễm M, sinh ngày 06/3/2013; chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/12/2019. Chị H, anh Ngh không phải cấp dưỡng nuôi con; Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Chia tài sản chung của anh Nguyễn Văn Ngh và chị Nguyễn Thị H. Tổng giá trị tài sản 1.433.600.000đ (Một tỷ bốn trăm ba ba triệu sáu trăm nghìn đồng), chia cho: Anh Ngh 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), chị H 783.600.000đ (Bảy trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích 54,1m² đất (trị giá 865.600.000đ), thửa số 146, tờ bản đồ số 36 ở tổ 15, phường Tr, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ 8, phường Tr, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc) đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Ngh và bà Nguyễn Thị H và sở hữu 01 nhà (trị giá 568.000.000đ). Tổng trị giá là 1.433.600.000đ (Một tỷ bốn trăm ba ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Văn Ngh số tiền là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

4. Về chi phí thẩm định giá, án phí:

- Về chi phí thẩm định giá: Anh Nguyễn Văn Ngh tự nguyện chịu toàn bộ và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng án phí ly hôn sơ thẩm) và án phí chia tài sản 35.344.000đ (Ba lăm triệu ba trăm bốn bốn nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu số 0000170 ngày 17/3/2022. Chị H còn phải nộp số tiền 35.344.000đ (Ba lăm triệu ba trăm bốn bốn nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn Ngh phải nộp 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 0000223 ngày 18/5/2022. Anh Ngh còn phải nộp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu

